

CÔNG ĐỒNG VATICAN II - BƯỚC NGOẶT VỀ NHẬN THỨC CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO

Tóm tắt: Bài viết phân tích các đổi mới mang tính bước ngoặt trong nhận thức của Công đồng Vatican II theo hai chiều kích. Chiều kích thứ nhất là những đổi mới trong nhận thức về chính bản thân Giáo hội Công giáo. Nội dung này được phân tích trên các khía cạnh chính như phụng vụ và tổ chức giáo hội. Thứ hai là những đổi mới trong nhận thức về mối quan hệ giữa Giáo hội với thế giới bên ngoài, cụ thể là mối quan hệ với các tôn giáo khác và thế giới hiện đại.

Từ khóa: Công đồng Vatican II, bước ngoặt, nhận thức, Công giáo

Đặt vấn đề

Công đồng Vatican II (gọi tắt là Vatican II) khai mở năm 1962, kết thúc năm 1965 đánh dấu bước chuyển mình vĩ đại của Giáo hội Công giáo Roma, tạo ra luồng gió mới dẫn tới những biến đổi trên nhiều khía cạnh của Công giáo thế giới và Công giáo ở Việt Nam. Đây cũng là công đồng đầu tiên có sự tham gia đông đảo của các giám mục trên thế giới và được đánh giá là một công đồng thực sự mang tính toàn cầu.

Theo John W. O'Malley, S. J, Vatican II có gần 2.500 giám mục tham gia, khác hẳn với con số khoảng 750 giám mục tại Vatican I và trước đó là Công đồng Trent khai mở chỉ vỏn vẹn có 29 giám mục và 5 bề trên của các dòng tu tham gia. Thậm chí các phiên thảo luận có số thành viên tham dự đông đảo nhất về sau của Công đồng Trent, số lượng người bỏ phiếu còn hiếm khi đạt tới con số 200 thành viên.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp Bộ *Biến đổi của Công giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay* do Nguyễn Thị Quế Hương (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 09/4/2018; Ngày biên tập: 16/4/2018; Ngày duyệt đăng: 27/4/2018.

Trong khi các giám mục tham dự Vatican II tới từ 116 nước khác nhau, còn tại Vatican I lại có đến 40% giám mục đến từ Ý. Rất nhiều người tới Vatican II còn mang theo một thư ký hoặc nhà thần học, hoặc cả hai, vì thế nếu tính cộng cả con số thành viên và quan sát viên thì số lượng sẽ vô cùng lớn¹.

Dù đã diễn ra cách đây hơn 50 năm nhưng Vatican II, công đồng chung thứ 21, vẫn là một trong những đại công đồng quan trọng nhất của Giáo hội Công giáo Roma. Vatican II được ví như “mùa xuân” của Giáo hội, bởi vì công đồng này thực sự đem lại nhiều đổi mới mang tính bước ngoặt cho Giáo hội.

Tuy nhiên, quá trình áp dụng tư tưởng của Công đồng trong thực tiễn đời sống tôn giáo của Công giáo trên thế giới là cả một quá trình lâu dài và phức tạp, đan xen những vui mừng và ưu tư. Giáo hoàng Phaolô VI, một trong những giáo hoàng tích cực đưa Vatican II vào trong đời sống của Giáo hội, từng có chút lo ngại về kết quả đầu ra của Công đồng. Ông nói: “Vì một số kẻ hờ nào đó mà khói của quỷ Satan đã xâm nhập vào đền thờ của Thiên Chúa”². Một số nhà tư tưởng Công giáo có khuynh hướng bảo thủ cũng có tâm trạng e ngại đổi mới theo Vatican II sẽ khiến Giáo hội trượt ra khỏi nguồn mạch truyền thống và có thể sinh ra các xu hướng lạc lối. Giám mục Lefebvre cho rằng, canh tân theo Vatican II dễ dẫn tới hệ lụy, đó là đi cùng với một thánh lễ mới thì cần phải có một giáo lý mới, chức tư tế mới, các chủng viện mới, các trường đại học mới thì mới phù hợp, điều đó sẽ tạo ra sự đối lập với tính chính thống (orthodoxy) và huân quyền lâu đời của Giáo hội³.

Những băn khoăn này đòi hỏi phía Giáo hội phải có những biện giải như thế nào về Vatican II trong mạch kết nối giữa quá khứ - hiện tại - tương lai, giữa truyền thống - hiện đại, giữa bảo lưu - đổi mới sao cho giữ được căn tính của mình⁴. Nhưng như thế không có nghĩa rằng, Giáo hội Công giáo đang suy xét xem có nên áp dụng Vatican II nữa hay không. Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã nói áp dụng “trung thực hết mức có thể” những giáo huấn của Vatican II cho đời sống mỗi cá nhân cũng như của toàn Giáo hội chính là việc chuẩn bị tốt nhất cho sự dần thân vào thiên niên kỷ mới⁵. Giáo hoàng Phanxicô đương

nhiệm vẫn khẳng định việc phải làm là tiếp tục tìm hiểu (understand) về những cải cách phụng vụ của Vatican II và lý giải tại sao những cải cách đó lại được đề ra, chứ không phải là việc suy xét lại (rethinking) Vatican II⁶.

Phải chăng Vatican II đã mở ra những đổi mới về nhận thức mang tính bước ngoặt vượt thời đại đến mức cả phía những người Công giáo theo xu hướng bảo thủ hay canh tân đều rất quan tâm đến như vậy?

Để trả lời vấn đề nghiên cứu này, bài viết tập trung phân tích chỉ ra Vatican II như là sự đổi mới nhận thức của Giáo hội về chính bản thân mình (giới hạn ở khía cạnh phụng vụ, tính chất và cơ cấu tổ chức giáo hội) và cách nhìn nhận của Giáo hội đối với thế giới bên ngoài (giới hạn ở khía cạnh các tôn giáo khác và thế giới hiện đại). Phương pháp nghiên cứu của bài viết chủ yếu theo cách so sánh lịch đại giữa quan điểm nhận thức của Giáo hội trước Vatican II và sau Vatican II.

1. Đổi mới nhận thức về chính bản thân Giáo hội

1.1. Về phụng vụ của Giáo hội

Phụng vụ (Liturgy)⁷ là một chủ đề được thảo luận sôi nổi tại Vatican II và có những đổi mới bứt phá. Những đổi mới này được Vatican II quy định trong Hiến chế về Phụng vụ thánh (Sacrosanctum Concilium) ngày 4/12/1963. Mục đích của việc canh tân Phụng vụ được Công đồng xác định là để giúp tăng triển đời sống tôn giáo của các tín đồ Công giáo, thích nghi cho hợp với những nhu cầu của thời đại, góp phần tạo ra sự hợp nhất cho tất cả những người tin theo Chúa Kitô, và củng cố những gì hỗ trợ cho việc mời gọi mọi người “vào lòng Giáo hội”⁸.

Trong quá trình canh tân phụng vụ, Vatican II đề ra các hướng dẫn cụ thể, nhấn mạnh việc thực hiện canh tân và phát huy Phụng vụ thánh “cần phải hết sức quan tâm đến việc tham dự trọn vẹn và tích cực của toàn thể dân Chúa: bởi Phụng vụ là nguồn mạch trước tiên và thiết yếu, nơi đây các tín hữu mức lấy tinh thần Kitô hữu đích thực; và đó là điều phải được những mục tử chấn dất các linh hồn tận tâm hướng dẫn trong mọi hoạt động mục vụ”⁹. Muốn như thế thì trước hết, những “mục tử chấn dất linh hồn” phải thấm nhuần sâu đậm tinh thần và

năng lực của Phụng vụ, phải thực sự trở thành “thầy dạy” trong lĩnh vực này. Cho nên Vatican II cho rằng cần phải chú trọng đến việc giảng huấn về Phụng vụ cho hàng giáo sĩ. Đội ngũ giáo sư phụ trách giảng dạy môn Phụng vụ cần phải được đào tạo đầy đủ tại các trường chuyên khoa¹⁰.

Bộ môn Phụng vụ cũng phải được đặt vào vị trí các môn học cần thiết và quan trọng tại các chủng viện và học viện dòng tu, cũng như trong các phân khoa thần học. Nhiệm vụ giảng dạy về Phụng vụ phải được chú trọng và kiên tâm, nhằm giúp các tín hữu tham dự tích cực, tùy theo độ tuổi, hoàn cảnh, cách sống và trình độ văn hóa. Đồng thời phải chú trọng tới cả công tác truyền thanh và truyền hình về hoạt động phụng vụ làm sao cho “xứng đáng và thận trọng”¹¹.

Không những thế, trong việc thực hiện canh tân Phụng vụ thì các bản văn và các nghi thức phải được sắp xếp làm sao để diễn đạt được rõ ràng hơn về “những thực tại thánh” và giúp cho những Kitô hữu có thể “dễ dàng hiểu biết các thực tại ấy càng nhiều càng tốt, cũng như có thể tham dự những nghi lễ ấy bằng việc cử hành trọn vẹn, tích cực và mang tính cộng đoàn”¹².

Vatican II ấn định bốn hệ quy tắc (một hệ quy tắc tổng quát và ba hệ quy tắc cụ thể) để tiến hành canh tân toàn diện lĩnh vực Phụng vụ. Trong đó hệ quy tắc tổng quát có bốn quy tắc chính, nhấn mạnh vào thẩm quyền duy nhất của Giáo hội trong việc điều hành Phụng vụ, canh tân Phụng vụ phải kết hợp giữa duy trì truyền thống tốt lành và những tiến bộ chính đáng, nhấn mạnh Thánh Kinh có vai trò vô cùng quan trọng trong cử hành Phụng vụ, và khi tiến hành tu chỉnh các sách Phụng vụ cần phải nhờ đến các chuyên viên và tham khảo ý kiến các giám mục thuộc nhiều miền khác nhau trên thế giới¹³.

Hệ quy tắc thứ hai được quy định theo bản chất của Phụng vụ như một dạng hoạt động đặc thù của hàng giáo phẩm và cộng đoàn. Hệ quy tắc này gồm bảy nhóm quy tắc chính nhấn mạnh tới sự hiệp nhất của toàn thể tín hữu Công giáo theo sự quy tụ và hướng dẫn của giám mục, nhấn mạnh vào tính cộng đồng và sự tham dự tích cực của giáo dân, xác định việc cử hành phụng vụ theo phận vụ của mỗi người, khẳng định những người giúp lễ, đọc sách, dẫn lễ và các ca viên cũng là “những

người đang thực hiện một thừa tác vụ phụng vụ đích thực”, khuyến khích giáo dân tham gia tích cực bằng các hình thức như tung hô, đối đáp, ca vịnh, tiền xướng, thánh ca, động tác hay cử chỉ bên ngoài. Đồng thời khi tu chỉnh các sách phụng vụ, “cần phải lưu tâm để cả vai trò của các tín hữu cũng được tiên liệu trong những quy tắc chữ đỏ”. Bên cạnh đó không có “phân biệt đối với một cá nhân hay địa vị nào, hoặc trong nghi lễ hoặc trong các kiểu cách bên ngoài” trong Phụng vụ, chỉ trừ các “biệt đãi do phận vụ và chức thánh, cũng như vinh dự phải dành cho các viên chức dân sự hợp theo quy tắc các luật phụng vụ”¹⁴.

Hệ quy tắc thứ ba được quy định theo tính cách huấn giáo và mục vụ của Phụng vụ. Hệ quy tắc này quy định để Phụng vụ như “một tiến trình giáo dục quan trọng đối với đoàn dân tín hữu” thì cần phải tuân giữ các quy tắc cụ thể như: nghi thức phải đơn sơ cao quý, ngắn gọn dễ hiểu và tránh những trùng lặp vô ích, phù hợp với sự linh hội của tín hữu; các nghi thức và lời đọc trong Phụng vụ phải có liên kết mật thiết; việc dùng ngôn ngữ bản địa trong Phụng vụ được khuyến khích để đem lại nhiều lợi ích cho dân chúng trên cơ sở những quy tắc được ấn định¹⁵.

Hệ quy tắc thứ tư được quy định nhằm thích nghi với tâm tính và truyền thống của dân tộc. Theo đó Giáo hội có thể xem xét đưa vào trong Phụng vụ các nét đẹp tinh thần, tính đặc thù của mỗi dân tộc, các tập tục hay bất cứ những gì không gắn liền với điều dị đoan và lầm lạc. Các Giáo hội địa phương có quyền xác định những điều được thích nghi tuy nhiên phải theo đúng những quy tắc căn bản trong Hiến chế của Vatican II¹⁶.

Dù trong hệ quy tắc tổng quát, Vatican II ấn định việc canh tân Phụng vụ nằm trong khuôn khổ thẩm quyền duy nhất của Giáo hội thì vẫn có những điểm đổi mới. Đó chính là tư tưởng về sự kết hợp giữa truyền thống (về nguồn) và hiện đại (cập nhật), nhấn mạnh tới vai trò của Kinh Thánh trong Phụng vụ và tinh thần dân chủ khi tiến hành tu chỉnh các sách Phụng vụ.

Đến các hệ quy tắc cụ thể, Vatican II thể hiện rõ cách nhìn đổi mới so với trước đây. Sự đổi mới này trước hết ở chỗ Vatican II chú trọng phát huy sự tham dự tích cực của thành phần giáo dân vào trong

Phụng vụ. Họ không còn được xem là những người thụ động chỉ biết đón nhận các Thánh lễ mà còn là những người cùng tham gia hỗ trợ với tư cách là thừa tác vụ phụng vụ (giúp lễ, đọc sách, dẫn lễ, ca viên), hay các cử chỉ, đối đáp, tung hô. Người tín hữu không chỉ nghe mà còn hiểu về Phụng vụ. Chính từ sự nhấn mạnh tới yêu cầu tăng tính tích cực của người giáo dân tham dự Thánh lễ của Vatican II đã kích thích những biến đổi trong cách thức cử hành Thánh lễ của linh mục trong các nhà thờ Công giáo. Huấn dụ *Inter oecumenici* (Giữa Công đồng) năm 1964 của Giáo hoàng Phaolô VI¹⁷ đã cho phép linh mục được quay mặt về phía giáo dân khi cử hành thánh lễ, thay vì quay lưng về phía giáo dân và quay mặt về phía nhà tạm (tabernacle) trên gian cung thánh như trước đây.

Quan điểm nhấn mạnh vào sự tham gia tích cực của giáo dân trong Phụng vụ được Hiến chế về Phụng vụ Thánh của Vatican II tiếp tục thể hiện trong những nội dung về các bí tích. Vatican II nhấn mạnh, các cử hành bí tích phải làm sao giúp “các Kitô hữu” tham dự có thể thấu hiểu, tham gia có ý thức, thành kính và tích cực chứ không phải như “những khán giả xa lạ và nín lặng”¹⁸. Thánh lễ giờ đây là công trình chung của linh mục và giáo dân. Linh mục dâng Thánh lễ không còn là “cho” dân chúng như trước đây mà bây giờ là cử hành Thánh lễ “với” dân chúng. Nhờ “hiểu” và tham gia “tích cực” nên bản thân người tín đồ từ “xem” Thánh lễ giờ đây đã chuyển sang “thể hiện” Thánh lễ - đó cũng là một thay đổi lớn¹⁹.

Ngoài yêu cầu tăng tính tích cực của giáo dân, tinh gọn và làm trong sáng dễ hiểu các nghi thức Phụng vụ, các Kinh nhật tụng, Vatican II còn thể hiện quan điểm mới khi khuyến khích việc dùng ngôn ngữ bản địa trong Phụng vụ để đem lại nhiều lợi ích cho giáo dân, chứ không phải nhất thiết duy trì bằng tiếng Latinh như trước đây. Đồng thời Vatican II cũng đã “trao quyền” cho các Giáo hội địa phương xem xét các điều liên quan đến văn hóa, truyền thống của các dân tộc bản địa để thích nghi trong cử hành Phụng vụ, mở đường cho việc hội nhập văn hóa trong Phụng vụ của Công giáo tại các vùng miền.

Riêng quan điểm sử dụng ngôn ngữ địa phương trong Phụng vụ thay vì tiếng Latinh là một nội dung được các thành viên Vatican II

tranh luận nhiều lần hầu như trong suốt 3 tuần bàn về phụng vụ. Việc cho phép trình bày nghi lễ bằng ngôn ngữ bản địa chứ không phải bằng ngôn ngữ cổ (Latinh) chỉ có một nhóm nhỏ quen thuộc đã đem lại cho số đông giáo dân cùng hiểu được. Sử dụng ngôn ngữ địa phương trong phụng vụ cũng giúp cho các giám mục tự chủ hơn và mở cửa cho họ phát triển các phương pháp phụng vụ của riêng mình cho phù hợp với từng vùng địa lý²⁰.

Dưới sự hướng dẫn của Vatican II, Giáo hoàng Phaolô VI đã ban hành các sách phụng vụ được đổi mới. Giáo hoàng Phanxicô đương nhiệm còn mong muốn quá trình đổi mới về phụng vụ theo tinh thần Vatican II cần được đẩy mạnh hơn nữa. Theo Giáo hoàng Phanxicô, “đổi mới về sách phụng vụ vẫn chưa đủ; mà náo trạng của con người cũng cần được đổi mới”. Đổi mới về sách phụng vụ là bước đầu trong quá trình đổi mới, “nó đòi hỏi thời gian, sự tiếp nhận trung tín, vâng phục thực hành, thực hiện khôn ngoan” trước hết là các thừa tác viên đã được tấn phong, cũng như các thừa tác viên khác và thực sự là công việc của tất cả những ai tham gia phụng vụ²¹.

1.2. Về tính chất và tổ chức Giáo hội

Trước Vatican II, Vatican I đã có một hiến chế về Giáo hội. Trong quan điểm thần học về giáo hội, Vatican I nhấn mạnh trước hết vào sự thống nhất của Giáo Hội tập trung vào chức vị tông đồ trưởng của Giáo hoàng và ơn bất khả ngộ (không thể sai lầm) của Giáo hoàng. Sự nhấn mạnh vào vai trò của Giáo hoàng đã giúp thiết lập sự tập trung hóa đến cao độ của tổ chức Giáo hội Công giáo, thể hiện rõ sự chú trọng vào cấu trúc bộ máy của Giáo hội. Trong thực tế, quan niệm Giáo hội có bản chất như một xã hội như trước Vatican II, nhất là từ sau Công đồng Trent, đã tạo ra xu hướng nhấn mạnh vào cấu trúc của bộ máy quản trị. Do đó quan niệm này dễ dàng dẫn tới cách nhìn Giáo hội chủ yếu ở các cấu trúc hữu hình, đặc biệt là về các quyền và sức mạnh của thành phần giáo chức²², các cá nhân trong Giáo hội được liên kết với nhau bằng một định chế pháp lý²³.

Tuy nhiên đến Vatican II lại có sự thay đổi trong nguyên lý thần học về Giáo hội (Giáo hội học). Nguyên lý này nhấn mạnh trước hết đến tính chất mầu nhiệm (mystery) của Giáo hội và Giáo hội được

xem như một bí tích (sacrament), chứ không chỉ là hay chủ yếu là một tổ chức hay thiết chế²⁴. Điều này cũng được thể hiện rõ trong bố cục của Hiến chế Tín lý về Giáo hội với phần đầu trình bày về Mầu nhiệm của Giáo hội sau đó mới đi tới phân tích cơ cấu tổ chức Giáo hội. Lược đồ ban đầu về Giáo hội với chương đầu tiên là “Bản chất của Giáo hội Chiến đấu” (The Nature of the Church Militant) cũng đã có khi Vatican II đang diễn ra. Tuy nhiên, Vatican II đã bác bỏ chương này và đổi thành chương “Mầu nhiệm của Giáo hội” (The Mystery of the Church). Sự thay đổi này cũng chính là dấu hiệu thay đổi của toàn bộ Giáo hội học của Công đồng²⁵. Vatican II đã đánh dấu rõ nét quan điểm về Giáo hội trước hết là bản tính thánh thiêng chứ không phải khẳng định tính hữu hình của Giáo hội như một đặc điểm chuẩn mực của Giáo hội học Công giáo Roma từ cuối thời kỳ Trung Cổ cho tới giữa thế kỷ XX.

Mầu nhiệm của Giáo hội như Vatican II khẳng định được biểu lộ trong chính cách thức Giáo hội được thành lập. Chính Chúa Giêsu đã khai sáng Giáo hội bằng việc rao giảng tin vui về sự xuất hiện của triều đại Thiên Chúa. Giáo hội được thiết lập là để lãnh nhận sứ mệnh công bố và thiết lập Vương quốc của Chúa Kitô. Rất nhiều hình ảnh biểu tượng về Giáo hội đề cập trong Kinh Thánh đã được Vatican II nhắc lại. Điển hình như Giáo hội là “chuông chiên mà cửa vào duy nhất và buộc phải đi qua là Đức Kitô”, Giáo hội là “mảnh vườn được canh tác hay thửa đất của Thiên Chúa”, Giáo hội là “tòa nhà của Thiên Chúa”, hay Giáo hội là “Giêrusalem thượng giới”, là “mẹ chúng ta”, là “hiền thê tinh tuyền”²⁶, v.v...

Vatican II quan niệm Giáo hội có sự kết hợp bền chặt giữa tính chất thiêng liêng và hữu hình, không có sự tách rời nhau, giống như Thông điệp Mystici Corporis (Nhiệm thể) của Giáo hoàng Piô XII đã đề cập tới: “Giáo hội vừa là cộng đồng được tổ chức theo cơ chế phẩm trật, vừa là Nhiệm Thể Đức Kitô, là đoàn thể hữu hình và cũng là một cộng đồng thiêng liêng, là Giáo hội tại thế đồng thời cũng là Giáo hội dư tràn của cải trên trời, dù vậy, không được nhìn Giáo hội như hai thực thể, nhưng đúng hơn, tất cả chỉ làm nên một thực tại đa phức, được kết thành từ yếu tố nhân loại và thần linh”²⁷. Sự nhấn mạnh tới tính chất

thánh thiêng và lấy Chúa Kitô làm điểm quy chiếu cho thấy sự dịch chuyển của quan niệm về Giáo hội của Vatican II. Đó thực sự là một Giáo hội học mang tính Kitô học²⁸, trong đó điểm quy chiếu thực sự của Giáo hội là Chúa Kitô chứ không phải là tổ chức phẩm trật mang tính chất xã hội.

Mặc dù vậy, không phải Vatican II bác bỏ cơ cấu phẩm trật của Giáo hội. Trong phần Chương III của Hiến chế Tín lý về Giáo hội, Vatican II có trình bày về cơ cấu phẩm trật và có những kế tục từ quan điểm của Vatican I. Nhưng điểm đáng chú ý là, trước khi trình bày nội dung cơ cấu phẩm trật, Hiến chế Tín lý về Giáo hội của Vatican II đã dành hẳn Chương II để trình bày về “Dân Thiên Chúa”.

Đặc điểm chính của “Dân Thiên Chúa” như Vatican II xác định gồm: (1) Có thủ lãnh là Chúa Kitô; (2) Có phẩm giá và tự do của con cái Thiên Chúa và Thánh Thần ngự trong tâm hồn họ như trong đền thờ; (3) Luật của họ là giới răn mới: yêu thương như chính Chúa Kitô đã yêu thương con người; (4) Đích đến cuối cùng của họ là “Nước Thiên Chúa”; (5) Có vai trò như là “hạt mầm đầy năng lực của sự hợp nhất, của niềm hy vọng và ơn cứu độ cho toàn thể nhân loại” dù chưa phải “toàn thể nhân loại”; (6) Được Chúa Kitô thiết lập để đi vào hiệp thông sự sống, bác ái, chân lý, và được Chúa Kitô sử dụng như khí cụ để cứu chuộc mọi người, và được sai đi vào thế giới như “ánh sáng trần gian và muối đất”²⁹; (7) Dân Thiên Chúa cũng là “hàng tư tế nhờ sự tái sinh và xức dầu Thánh Thần, nhận ơn Thánh Tẩy được thánh hiến trở nên ngôi nhà thiêng liêng và hàng tư tế thánh, để qua mọi hoạt động của đời Kitô hữu, họ dâng những hy tế thiêng liêng và loan báo quyền năng của Đấng đã kêu gọi họ ra khỏi tối tăm vào ánh sáng kỳ diệu của Người”³⁰. Vatican II cho rằng chức tư tế cộng đồng của các tín hữu khác với chức tư tế thừa tác hay phẩm trật ở yếu tính và cấp bậc nhưng đều được đặt định tương quan với nhau, mỗi bên đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô³¹.

Quan niệm về “Dân Thiên Chúa” được xem là đóng góp có ảnh hưởng nhất của Vatican II trong nhận thức về Giáo hội. Nếu trước đây Giáo hội vẫn thường được đồng nhất với hàng giáo sĩ và các tu sĩ nam nữ, thì giờ đây mọi phần tử đều có thể nói: “Chúng ta là Giáo hội!”³².

Giáo hội không còn được nhấn mạnh theo lối phẩm trật, từ trên xuống dưới mà “thật sự quay trở về với viễn tượng thời xưa, mang đậm tính Kinh Thánh”³³. Phẩm trật chỉ là một thuộc tính của cộng đoàn Giáo hội, dù hàng phẩm trật có quan trọng đi chăng nữa thì “cộng đoàn cũng phải có trước đã”³⁴. Với việc khẳng định chức tư tế cộng đồng của tín hữu, Vatican II đã khuyến khích sự tham gia tích cực của người giáo dân vào Giáo hội, đặt trong sự tương quan theo chiều ngang nhiều hơn với hàng giáo sĩ. Bây giờ không chỉ có giáo hoàng, giám mục và linh mục như là hiện thân sống của Chúa Kitô mà còn có cả giáo dân, đó là Dân Thiên Chúa³⁵.

Đối với cơ cấu phẩm trật Giáo hội, Vatican II nhấn mạnh đặc biệt tới chức Giám mục. Chính Giám mục là “đại diện và sứ giả” của Chúa Kitô trong việc cai quản Giáo hội địa phương bằng “những lời khuyên bảo, khích lệ, bằng gương lành, và ngay cả bằng thẩm quyền và quyền lực thánh thiêng”³⁶. Các Giám mục “có quyền và có bổn phận thánh thiêng ấn định các luật lệ cho những người thuộc quyền, phân xử và quy định tất cả những gì liên quan đến phụng tự và việc tông đồ”³⁷. Vatican II cho rằng, ơn bất khả ngộ không chỉ dành riêng cho Giáo hoàng mà còn “hiện diện nơi Giám mục đoàn” khi các Giám mục thực thi “quyền giáo huấn tối thượng” cùng với Giáo hoàng³⁸.

Những quan điểm của Vatican II về cơ cấu phẩm trật cho thấy rõ xu hướng về nguồn, trở lại với “kiểu mẫu tập thể”, chủ trương một Giáo hội “tân quyền”. Điều đó được thể hiện qua việc nhấn mạnh đến tầm quan trọng của mỗi Giáo hội địa phương và Giám mục cai quản mỗi Giáo hội địa phương ấy, khác với tiêu điểm chỉ nhấn mạnh vào Giáo hội trung ương và Giáo hoàng. Đồng thời, Vatican II cũng thể hiện lập trường trở về với nguyên tắc tập thể, một nguyên tắc rất quan trọng trong thiên niên kỷ đầu tiên của Kitô giáo, khi kêu gọi các Giám mục quan tâm đến Giáo hội toàn cầu và cùng hợp nhất dưới sự lãnh đạo của Giáo hoàng, ngược lại, Giáo hoàng khi đưa ra các quyết định quan trọng cũng nên tham khảo cùng với Giám mục đoàn³⁹.

Trong phần về giáo dân, Vatican II tiếp tục làm sâu sắc thêm quan niệm Dân Thiên Chúa trong Giáo hội. Vatican II khẳng định giáo dân là một thành phần có “đóng góp rất nhiều vào thiện ích của toàn thể Giáo

hội”⁴⁰, làm thành Dân Thiên Chúa và được tham dự vào “các chức năng tư tế, ngôn sứ và vương đế của Đức Kitô theo cách thức của mình”⁴¹. Vatican II nhấn mạnh một mô hình giáo hội bình đẳng giữa các thành phần, vì người giáo dân hay giáo sĩ, tu sĩ đều có cùng một “phẩm giá”. Vatican II viết: “Trong Đức Kitô và trong Giáo hội, không có sự bất bình đẳng do chủng tộc hay quốc gia, do địa vị xã hội hoặc phái tính, bởi lẽ không còn phân biệt Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, nam hay nữ; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Kitô”⁴².

Mối quan hệ giữa người giáo dân với giáo sĩ không còn là một chiều “vâng phục” mà có sự hỗ trợ lẫn nhau trong việc xây dựng Giáo hội. Vatican II kêu gọi “các chủ chăn có chức thánh phải nhìn nhận và phát huy phẩm giá và trách nhiệm của giáo dân trong Giáo hội; các ngài nên sẵn sàng chấp nhận những ý kiến khôn ngoan của họ, tin cậy giao phó công tác để phục vụ Giáo hội, cho họ tự do và quyền hạn để hành động, hơn nữa, cũng nên khuyến khích họ đảm nhận các công việc do chính họ khởi xướng. Với tinh thần phục vụ, và trong Đức Kitô, các ngài hãy quan tâm nghiêm xét những đề nghị, thỉnh cầu và khát vọng của họ. Các chủ chăn cũng phải tôn trọng và nhìn nhận quyền tự do chính đáng của mọi người trong lãnh vực trần thế”⁴³. Đồng thời, người giáo dân cũng có những bổn phận đối với các linh mục của mình, cùng chia sẻ những lo âu, và thảo luận với các Giám mục, linh mục như người cha.

Như thế tương quan giữa người giáo dân và giáo sĩ là mối quan hệ tương hỗ, đồng trách nhiệm trong cùng một mái nhà Giáo hội, dù rằng phận vụ mỗi người là khác nhau. “Hay nói cách khác, có thể ví Giáo hội như một chiếc thuyền, người giáo dân không ở trên thuyền như những hành khách, trái lại, họ là thành viên của thủy thủ đoàn và ở vị thế của họ, cùng với Đức Giáo hoàng, các giám mục và linh mục, đồng trách nhiệm trong cuộc hành trình”⁴⁴.

2. Đổi mới nhận thức về mối tương quan giữa Giáo hội với thế giới

2.1. Về mối quan hệ giữa Giáo hội với các tôn giáo khác

Vatican II không chỉ là tấm gương phản chiếu chính Giáo hội mà còn như khung cửa mở để Giáo hội nhìn ra, bước ra thế giới bên ngoài. Đề cập đến mục đích khai mở Vatican II, Giáo hoàng Gioan XXIII

từng nói: “Tôi muốn mở toang các cánh cửa của Giáo hội ra để chúng ta có thể nhìn ra bên ngoài và mọi người có thể nhìn vào bên trong”⁴⁵. Trong khi nhìn ra thế giới bên ngoài, Vatican II muốn xác lập một phương thức quan hệ mới giữa Giáo hội với các tôn giáo thuộc Kitô giáo và ngoài Kitô giáo.

Đối với các tôn giáo thuộc Kitô giáo, Vatican II cổ vũ cho việc tái lập sự hợp nhất giữa toàn thể các Kitô hữu. Vatican II viết: “Cổ vũ việc tái lập sự hợp nhất giữa toàn thể các Kitô hữu là một trong những mục tiêu chính của Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II... Đức Kitô đã thiết lập một Giáo hội và chỉ một Giáo hội duy nhất, thế nhưng nhiều cộng đồng Kitô giáo tự xưng với mọi người rằng chính mình mới là di sản đích thực của Đức Kitô... là môn đệ của Chúa, nhưng lại khác biệt nhau về quan điểm và đi theo những đường lối xa cách nhau, như thế chính Đức Kitô đã bị chia cắt... Sự phân rẽ này vừa trái ngược tỏ tường với ý muốn của Đức Kitô, vừa là cơ vấp phạm cho thế giới và gây tổn hại cho sứ mạng rất cao cả là rao giảng Tin Mừng cho mọi thụ tạo”⁴⁶.

Đề tiến hành đại kết, Vatican II đề ra những nguyên tắc cụ thể. Trước tiên, sự đại kết dựa trên chính nguyên lý hợp nhất Giáo hội, đó chính là Chúa Kitô và sự hợp nhất của Chúa Ba Ngôi⁴⁷. Tiếp theo là quá trình đại kết cần phải có sự nhìn nhận công bằng hơn đối với các cộng đồng đã tách khỏi sự hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội Công giáo. Vatican II cho rằng, hiện tượng đó “đôi khi do sai lầm của những người ở cả hai bên”. Cho nên, thế hệ sau trong các cộng đồng ấy “không thể bị kết tội chia rẽ và Giáo hội Công giáo” mà vẫn cần phải “kính trọng, yêu thương họ như anh em”⁴⁸. Sự thống nhất chung của Giáo hội Công giáo và các cộng đồng ly khai khác không nằm ở phạm vi hữu hình của Giáo hội Công giáo mà nằm trong chính đời sống ân sủng, đức tin, đức cậy, đức mến, các ân huệ thiêng liêng của Chúa Thánh Thần và các yếu tố xuất phát từ Chúa Kitô. Trên cơ sở những nguyên tắc này, lần đầu tiên Giáo hội Công giáo chính thức công nhận mẫu nhiệm cứu độ đối với các giáo hội và cộng đồng ly khai⁴⁹. Đây là sự thay đổi lớn so với nhận thức thần học thời Trung cổ trước đây và cho tới Vatican I, Giáo hội Công giáo vẫn xác quyết ngoài Giáo hội không có ơn cứu độ.

Quá trình tiến hành đại kết được Vatican II xác định bao gồm ba bước chính. Trước tiên đó là nỗ lực loại bỏ những lời nói, xét đoán và hành vi thiếu công bình và không đúng sự thật về các anh em ly khai, những điều chỉ làm cho mối tương giao càng thêm khó khăn. Thứ đến là việc “đối thoại” giữa những chuyên viên đã nắm vững các vấn đề, được thực hiện trong các buổi hội họp được tổ chức với tinh thần đạo đức giữa các Kitô hữu thuộc nhiều Giáo hội hay Cộng đồng khác nhau, qua đó mỗi người sẽ giải thích cặn kẽ và trình bày minh bạch những nét độc đáo về giáo lý của từng Cộng đồng. Nhờ đối thoại như thế, mọi người sẽ hiểu biết chính xác hơn và có thái độ tôn trọng thích đáng hơn đối với giáo thuyết cũng như nếp sống của mỗi Cộng đồng; cũng nhờ đó các Cộng đồng sẽ hợp tác với nhau rộng rãi hơn trong những hoạt động mưu tìm thiện ích chung theo như đòi hỏi của lương tâm Kitô hữu, và khi hoàn cảnh cho phép, mọi người cùng quy tụ lại trong những buổi cầu nguyện chung. Sau cùng, tất cả cần kiểm điểm về thái độ trung thành thực hiện ý muốn của Chúa Kitô về Giáo hội, đồng thời luôn kiên trì nỗ lực tiến hành việc canh tân và cải tổ⁵⁰.

Đối với các tôn giáo bên ngoài Kitô giáo, lần đầu tiên trong lịch sử Giáo hội những tuyên bố chân lý của các tôn giáo khác được Giáo hội chính thức công nhận. Với các tôn giáo ngoài Kitô giáo, Giáo hội Công giáo “không bao giờ phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo ấy. Giáo hội luôn chân thành tôn trọng những cung cách hành động và lối sống, cũng như những huấn giới và giáo thuyết của các tôn giáo, mặc dù có nhiều điểm khác với chủ trương và đề nghị của Giáo hội, nhưng vẫn thường mang theo một tia sáng nào đó của chính Chân lý đang chiếu soi tất cả mọi người”⁵¹. Vatican II khuyến khích các thành phần của Giáo hội luôn biết nhìn nhận, giữ gìn và phát triển những giá trị tâm linh, luân lý, xã hội-văn hóa của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác, dựa trên tinh thần đối thoại và hợp tác⁵². Theo những luận điểm này, dù chưa phải là trực tiếp, nhưng Giáo hội Công giáo đã từ bỏ tuyên bố “Giáo hội đúng đắn duy nhất” (One True Church), và các giáo chức và giáo sĩ của Giáo hội được khuyến khích bước vào cuộc đối thoại mở với các giáo sĩ của các tôn giáo khác⁵³.

Vatican II đặc biệt quan tâm tới Islam giáo và Do Thái giáo, những cộng đồng tôn giáo vốn có những mối quan hệ phức tạp với Giáo hội Công giáo trong lịch sử, khuyến khích Giáo hội và các tôn giáo này cùng gác lại quá khứ, xây dựng mối quan hệ giao hảo, cùng tìm hiểu nhau và đem lại những điều tốt đẹp cho xã hội nói chung.

Vatican II khẳng định, Giáo hội tôn trọng các tín đồ Islam giáo và bản thân người Islam giáo cũng có sự tôn trọng đời sống luân lý và thờ phượng Thiên Chúa. Dù trong lịch sử đã có “không ít bất hòa và hiềm thù giữa các Kitô hữu và tín đồ Islam giáo”, Vatican II cho rằng các bên cần “nên quên đi quá khứ và cố gắng chân thành tìm hiểu lẫn nhau, cũng như cùng nhau bảo vệ và cổ vũ công bình xã hội, các giá trị luân lý cũng như hòa bình và tự do cho tất cả mọi người”⁵⁴. Với người Do Thái, Vatican II cổ vũ “hai bên hãy tìm hiểu và tôn trọng lẫn nhau, đây là điều có thể thực hiện được đặc biệt qua việc học hỏi Kinh Thánh và thần học cũng như qua những cuộc đối thoại huynh đệ”⁵⁵.

Đối với vấn đề tôn giáo nói chung, Vatican II khẳng định Giáo hội phản bác mọi hình thức kỳ thị hoặc đàn áp con người vì lý do tôn giáo, tuyên bố quyền tự do tôn giáo của cá nhân và đoàn thể là một quyền lợi xã hội và dân sự⁵⁶.

2.2. Về mối quan hệ giữa Giáo hội với thế giới hiện đại

Kể từ khi thế giới bước vào kỷ nguyên hiện đại, đặc trưng với Triết học Khai sáng và cuộc Cách mạng Pháp năm 1789, dường như đã tạo ra một thế đối lập mạnh mẽ, thậm chí có lúc tới độ khắc nghiệt, giữa Giáo hội Công giáo và thế giới. Tuy nhiên Vatican II đã tạo ra bước ngoặt căn bản trong thái độ của Giáo hội đối với thế giới hiện đại, dịch chuyển từ “đối lập sang đối thoại”⁵⁷. Thái độ hoài nghi và không tin tưởng giờ đây đã được thay thế bằng “sự đồng cảm” trong cách nhìn nhận của Giáo hội với thế giới, và khẳng định Giáo hội có sự liên kết mật thiết với toàn thể gia đình nhân loại.

Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay của Vatican II viết: “Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo âu của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và của bất cứ ai đang đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo âu của các môn đệ Chúa Kitô, và

không có gì thực sự là của con người mà họ lại không cảm nhận trong đáy lòng họ. Thật vậy, đây là cộng đồng gồm những con người được quy tụ trong Chúa Kitô, được Chúa Thánh Thần hướng dẫn trong cuộc lữ hành về Nước Cha và đã đón nhận Tin Mừng cứu rỗi được trao ban cho mọi người. Vì thế, cộng đồng này thực sự cảm nghiệm được mối dây liên kết mật thiết với con người và lịch sử nhân loại”⁵⁸.

Vatican II khuyến khích tinh thần Giáo hội như một người “phục vụ” thay vì “quyền lực”⁵⁹. Giáo hội chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất, đó là để “cứu rỗi chứ không phải để luận phạt, để phục vụ chứ không để được phục vụ”⁶⁰. Trước những biến chuyển sâu rộng của thế giới hiện đại, Giáo hội xác quyết mối quan hệ phục vụ lẫn nhau giữa Giáo hội và nhân loại, khẳng định tính cách nhân loại của Giáo hội. Chỉ ra những thách thức của thời đại và sẵn sàng chia sẻ với những “hy vọng và lo âu” của nhân loại, đã cho thấy rõ tâm thế đối thoại, đồng cảm của Giáo hội với thế giới hiện đại.

Trong khuôn khổ đối thoại mở rộng với thế giới, sự đối thoại với những người không tin được Giáo hội rất chú ý tới. Điều đó càng khẳng định tinh thần nhìn nhận khách quan với bên ngoài, dám đối diện và thẳng thắn đối thoại, thay vì xa lánh hay chỉ trích. Đối thoại với người không tin chính là việc cùng hợp tác để thiết lập một trật tự đúng đắn trong xã hội con người và góp phần tạo ra lợi ích chung của người dân, cả người tin và không tin⁶¹. Sự đối thoại này dựa trên nguyên tắc “chân thành và cân trọng”, không có sự kỳ thị giữa những người tin và không tin.

Vatican II khẳng định: “Giáo hội vẫn thành tâm tuyên bố rằng mọi người, dù tin hay không tin, cũng đều phải góp phần xây dựng cách chính đáng thế giới này, là nơi họ đang chung sống: điều ấy chắc chắn không thể có được nếu thiếu cuộc đối thoại chân thành và cân trọng”⁶².

Không những đối thoại, đồng cảm, xác quyết tinh thần yêu thương với cả những quan điểm đối nghịch, Giáo hội như Vatican II tuyên bố còn là một thực thể cùng “đồng hành với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ thân phận trần thế với thế giới”⁶³. Để phát triển tốt đẹp mối tương quan và tương trợ trong những lĩnh vực chung giữa Giáo hội và thế giới, Vatican II đề ra những nguyên tắc tổng quát theo hướng

tương trợ lẫn nhau giữa Giáo hội và thế giới. Trong đó, Giáo hội sẽ nỗ lực hỗ trợ phát triển thế giới trở nên “nhân bản hơn” thông qua từng con người và cộng đồng nhân loại. Mặt khác, Giáo hội, như Vatican II nói, đã nhận được từ thế giới hiện đại những tiến bộ của nhân loại⁶⁴.

Trong quá trình đồng hành với thế giới, Giáo hội đặc biệt quan tâm tới những vấn đề khẩn thiết của thời hiện đại như hôn nhân và gia đình, văn hóa nhân loại, đời sống kinh tế, xã hội và chính trị, hòa bình và sự liên đới trong gia đình các dân tộc. Chính gia đình được xác định là nền tảng của xã hội, là trường dạy phát triển nhân tính. Cho nên việc đẩy mạnh những cuộc hôn nhân và gia đình lành mạnh chính là nền tảng cho sự thịnh vượng cá nhân cũng như xã hội⁶⁵.

Đối với lĩnh vực văn hóa, Giáo hội đã thừa nhận những giá trị tiến bộ của văn hóa, khoa học hiện đại. Mặc dù kể tục quan điểm của Vatican I về sự khác biệt giữa hai lĩnh vực tri thức là đức tin và lý trí, nhưng tại Vatican II Giáo hội không phản đối “các nghề và các bộ môn nhân văn sử dụng những nguyên lý và phương pháp riêng trong phạm vi của mình; vì thế, Giáo hội nhìn nhận sự tự do chính đáng này và xác nhận sự tự lập hợp pháp của văn hóa, nhất là của các khoa học”⁶⁶. Để góp phần vào phát triển văn hóa nhân loại, Giáo hội xác định cần có sự hòa hợp giữa văn hóa và Kitô giáo.

Đối với đời sống kinh tế, Giáo hội quan tâm tới sự công bằng, giảm chênh lệch về khía cạnh kinh tế. Đối với vấn đề chính trị, Giáo hội khẳng định sự độc lập với các cộng đồng chính trị nhưng không phải đối lập mà cùng cộng tác để phục vụ để đem lại thiện ích cho cá nhân và xã hội của con người. Bên cạnh đó Giáo hội cũng đặc biệt quan tâm tới những vấn đề về chiến tranh, hòa bình và mối quan hệ giữa các dân tộc trong thế giới hiện đại.

Kết luận

Vatican II đúng như Giáo hoàng Gioan XXIII ví chẳng khác nào cánh cửa mở ra để Giáo hội tự nhìn nhận về mình và nhìn ra thế giới bên ngoài. Giáo hoàng Phaolô VI cũng khẳng định mục tiêu chính của Vatican II là để: Giáo hội tự nhận thức về mình, đổi mới Giáo hội, hướng tới hiệp nhất tất cả các Kitô hữu và để Giáo hội đối thoại với thế giới hiện đại⁶⁷. Vatican II đã cho thấy những bước ngoặt về nhận

thức, tư tưởng của Giáo hội. Công đồng chung thứ 21 này giống như một thời điểm quan trọng trong lịch sử Giáo hội, đánh dấu một thời kỳ mà Giáo hội xem xét mình đang ở đâu và thế giới đang ở đâu, để tìm cách lấp kín khoảng cách giữa Giáo hội và thế giới⁶⁸.

Hàng nghìn Giám mục trên thế giới đã tụ họp tại Roma trong suốt 3 năm diễn ra Vatican II đã đề ra những đổi mới có khả năng thay đổi Giáo hội Công giáo hơn bất cứ điều gì trước đó. Sự thay đổi về nhận thức để cải tổ Giáo hội, để Công giáo thích ứng với thời kỳ mới của Vatican II được ví như sự tái sáng tạo Giáo hội trong kỷ nguyên hiện đại.

Đối với chính bản thân Giáo hội, Vatican II đã thể hiện nỗ lực Giáo hội tái tập trung vào cội nguồn thời sơ khai, tăng cường tính dân chủ đa diện⁶⁹. Những thay đổi trong nhận thức thần học về Giáo hội, sự đề cao vai trò của người giáo dân, Dân Thiên Chúa của Vatican II đã khẳng định tính cộng đồng và bình đẳng của Giáo hội. Một quan niệm về Giáo hội bắt đầu từ cộng đồng Dân chúa sẽ tránh được nguy cơ đánh giá quá cao giá trị của Giáo chức, tránh được sự hiểu lầm đây là lực lượng thống trị trên Giáo hội và tránh được ít nhiều mô hình Giáo hội chuyên chế và tập trung hóa vào Giáo hoàng và các giám mục⁷⁰. Những đường hướng thay đổi về Phụng Vụ từ ngôn ngữ cho đến cách diễn đạt nội dung, tới tương quan giữa các thành phần trong thực hiện Phụng Vụ đã mở lối cho sự dần thân tích cực của người giáo dân và sự hội nhập văn hóa của Giáo hội Công giáo ở các xứ truyền giáo.

Đối với thế giới bên ngoài, Vatican II giống như một mùa xuân, xua đi những mùa đông giá lạnh kéo dài nhiều thế kỷ trong mối quan hệ giữa Giáo hội với thế giới⁷¹. Giáo hội trong nhìn nhận về thế giới đã từ cực đối lập sang đối thoại, từ chỉ trích sang đồng cảm, từ bao trùm sang tương trợ lẫn nhau, và cao hơn nữa là cùng đồng hành, trách nhiệm với những vui mừng và lo âu của con người trong thế giới hiện đại.

Nếu trước đây Giáo hội từng kết án tự do tôn giáo, từng lập ra danh mục sách cấm thì đến Vatican II đã thay đổi căn bản. Các tài liệu của công đồng này đã cho thấy Giáo hội quan tâm và công nhận ngay cả những giá trị mà Giáo hội từng lên án. Giáo hội Công giáo giờ đây tin, trân trọng vào các quyền của con người, vào dân chủ, tự do tôn giáo và khẳng định chủ nghĩa bài Do Thái là một tội lỗi đáng sợ⁷².

Tại Vatican II, Giáo hội đã từ bỏ ba độc quyền của mình: “1. Độc quyền về Kitô giáo, tức là Giáo hội nhìn nhận tư cách Kitô nơi người không Công giáo như anh em Chính Thống giáo, Tin Lành giáo, Anh giáo cả về mặt cá nhân lẫn về mặt Giáo hội; 2. Độc quyền về Tôn giáo, tức là tôn trọng các tôn giáo khác, không cho là chỉ duy mình mới thật là tôn giáo; 3. Bỏ độc quyền về nhân bản nghĩa là đối với những thực tại tự nhiên, trần tục, không phải chỉ khi nào có sự can thiệp của Giáo hội, của người Công giáo thì chúng mới có giá trị”⁷³.

Tâm thế của Giáo hội theo tinh thần Vatican II không còn đứng trên xã hội, nhân loại. Giáo hội không còn tự mãn về mình, không coi mình là mục đích, mà mong muốn mình phải thuộc về nhân loại, giữa nhân loại và vì nhân loại. Hay nói cách khác, như Giáo hoàng Phaolô VI ví, Giáo hội giống như một nữ tỳ của nhân loại trong thế giới ngày nay⁷⁴.

Là công trình thế kỷ, nhưng Vatican II cũng vẫn là công trường còn dở dang từ thế kỷ XX sang thế kỷ XXI. Bởi cập nhật hóa không phải là việc làm một lần là xong, mà đúng ra là việc phải làm hằng ngày và từng ngày để mỗi ngày mỗi mới thêm⁷⁵. Ở Việt Nam, kể từ sau Vatican II, nhất là từ năm 1980 trở lại đây, những tư tưởng của Vatican II đã và đang tiếp tục là kim chỉ nam soi sáng cho những đổi mới, biến chuyển quan trọng của Công giáo. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 John W. O'Malley, S.J: *Vatican II: Did anything happen?*, Theological Studies 67 (2006), bản Pdf: 11.
- 2 David Martin (2011), *Vatican II: A Historic turning point – The Dawning of a New Epoch*, AuthorHouse: 1-2.
- 3 Xem David Martin (2011), *Vatican II: A Historic turning point – The Dawning of a New Epoch*, Sđd: 4.
- 4 Thượng Hội đồng Giám mục 1985 đã thảo luận về vai trò của Vatican II đối với Giáo hội thời hậu công đồng và đề ra 6 nguyên tắc để giải thích về công đồng này. Xem Massimo Faggioli (2012), *Vatican II The Battle for Meaning*, Paulist Press, New York: 84-85.
- 5 Dẫn theo Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012), *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 7.
- 6 Junno Arocho Esteves (24/8/2017): *Vatican II liturgical reform 'irreversible', pope says [Cải cách phụng vụ của Vatican II không thể đảo ngược được, giáo hoàng nói]*, <http://www.catholicnews.com/services/englishnews/2017/vatican-ii-liturgical-reform-irreversible-pope-says.cfm>, truy cập ngày 28/2/2018.

- 7 Phụng vụ được hiểu là việc phục vụ, nghĩa vụ hay việc làm chung... Phụng vụ có hai chức năng: tôn vinh và chúc tụng Thiên Chúa, tức là thờ phượng; và đem lại ơn phúc cho nhân loại, tức là thánh hóa. Xem thêm: John A. Hardon, S.J (Nhóm Chánh Hưng dịch) (2008): *Từ điển Công giáo phổ thông*, Nxb. Phương Đông: 468-469.
- 8 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội: 13.
- 9 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 23.
- 10 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 23.
- 11 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 24-25.
- 12 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 25-26.
- 13 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012): *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 26-27.
- 14 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 27-29.
- 15 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 29-32.
- 16 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 32-34.
- 17 “90. In building new churches or restoring and adapting old ones every care is to be taken that they are suited to celebrating liturgical services authentically and that they ensure active participation by the faithful (see SC art. 124). 91. The main altar should *preferably be freestanding, to permit walking around it and celebration facing the people*. Its location in the place of worship should be truly central so that the attention of the whole congregation naturally focuses there. (Emphasis added.)”.
 Nguồn: Susan Benofy (2/2010): *The Day the Mass Changed, How it happened and why – Part I* [Ngày Thánh lễ thay đổi, điều đó xảy ra như thế nào và tại sao lại vậy – Phần I], <https://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?recnum=9377>, truy cập ngày 28/2/2018.
- 18 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sdd: 37.
- 19 Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012), *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 24.
- 20 Aaron Falsetto: *The implementation of the Second Vatican Council: The constitution on the Sacred Liturgy and Sacrosanctum Concilium* [Thực hiện Công đồng Vatican II: Hiến chế về Phụng vụ thánh], <https://earlham.edu/media/2544046/second-vatican-council-aaron-falsetto-spring-2015.pdf>, truy cập ngày 5/3/2018.
- 21 Pope Francis: *Liturgical reform is irreversible* [Giáo hoàng Francis: Đổi mới mục vụ là xu hướng không thể đảo ngược được], http://en.radiovaticana.va/news/2017/08/24/pope_francis_liturgical_reform_is_irreversible/1332602, truy cập ngày 26/2/2018.
- 22 Avery Dulles (2002), *Models of the Church*, Doubleday, New York: 26-27.

- 23 Xem GM. Giuse Nguyễn Năng (12/10/2012), *Cái mới trong cách nhìn của Vaticanô II về Giáo hội*, <https://tonggiaophanhanoi.org/tu-lieu/tai-lieu-khac/4330-cai-moi-trong-cach-nhin-cua-vaticano-ii-ve-giao-hoi.html>, truy cập ngày 28/2/2018.
- 24 Richard McBrien (18/7/2011), *Vatican II themes: The Church as mystery, or sacrament* [Các chủ đề của Vatican II: Giáo hội như một mầu nhiệm, hay một bí tích], <https://www.ncronline.org/blogs/essays-theology/vatican-ii-themes-church-mystery-or-sacrament>, truy cập ngày 6/3/2018.
- 25 Avery Dulles (2002): *Models of the Church*, Sđd: 9.
- 26 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 73-76.
- 27 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 80.
- 28 Raniero Cantalamessa (Lm. Phêrô Nguyễn Văn Hương chuyển dịch) (2016): *Để không gì là vô ích – Tái suy tư về Công đồng Vatican II*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 13-15.
- 29 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012): *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 84-85
- 30 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 86.
- 31 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 86.
- 32 Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012): *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Sđd: 94.
- 33 Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012): *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Sđd: 104.
- 34 Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012): *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Sđd: 105.
- 35 David R. Maines, Michael J. McCallion (2007), *Transforming Catholicism Liturgical Change in the Vatican II Church*, Lexington Books: 9.
- 36 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 120.
- 37 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 120.
- 38 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 116-117.
- 39 Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012), *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Sđd: 107.
- 40 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 128.
- 41 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 129.
- 42 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 130.
- 43 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 140.

- 44 Albino Luciani (Agostino Nguyễn Văn Dụ chuyển ngữ) (2012), *Một Giám Mục tại Công Đồng Những lá thư viết từ Vaticanô II*, NXB. Tôn giáo, Hà Nội: 8.
- 45 “I want to throw open windows of the Church so that we can see out and the people can see in”, http://www.newworldencyclopedia.org/entry/John_XXIII, truy cập ngày 21/3/2018.
- 46 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 409.
- 47 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 411-413.
- 48 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 414.
- 49 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 415-16.
- 50 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 417.
- 51 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 741.
- 52 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 742.
- 53 David R. Maines, Michael J. McCallion (2007), *Transforming Catholicism Liturgical Change in the Vatican II Church*, Lexington Books: 9.
- 54 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 742-743.
- 55 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 744.
- 56 Tuyên ngôn về tự do tôn giáo trong Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 747-768.
- 57 René Latourelle (1989), *Vatican II Assessment and Perspectives Twenty-five Years after (1962-1987), Volume Three*, Paulist Press: 185.
- 58 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 215-216.
- 59 René Latourelle (1989), *Vatican II Assessment and Perspectives Twenty-five Years after (1962-1987), Volume Three*, Sđd: 187.
- 60 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 218.
- 61 Xem René Latourelle (1989): *Vatican II Assessment and Perspectives Twenty-five Years after (1962-1987), Volume Three*, Sđd: 269.
- 62 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 244.
- 63 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 272.
- 64 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 284-286.
- 65 Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012), *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Sđd: 94.
- 66 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Sđd: 311.

- 67 J. Derek Holmes và Bernard W. Bickers (2002), *A Short History of the Catholic Church*, Burns & Oates, New York: 287.
- 68 Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012), *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Sdd: 5.
- 69 David R. Maines, Michael J. McCallion: *Transforming Catholicism Liturgical Change in the Vatican II Church*: 10.
- 70 Hans Kung (1963) (Cecily Hastings chuyển ngữ), *The Council in action-Theological reflections on the Second Council*, Sheed and Ward published, New York, bản pdf: 224.
- 71 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giám mục về Văn hóa (2002): *Bốn mươi năm sau Vatican II nhìn lại*, Sdd: 115.
- 72 Andrew Brown (2012): *How the second Vatican council responded to the modern world*, <https://www.theguardian.com/commentisfree/andrewbrown/2012/oct/11/second-vatican-council-50-years-catholicism>, truy cập ngày 1/4/2018.
- 73 Nguyễn Huy Lịch: *Công đồng Vatican II tại Việt Nam*, Nguyệt san công giáo và Dân tộc, Số 11-12, tháng 11-12-1995: 92.
- 74 ĐGM. G.B. Bùi Tuần: *Đối với Giáo hội Công giáo, không ai là khách lạ, không ai bị loại trừ, không ai là xa cách*, Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, Số 11-12, tháng 11-12-1995: 52.
- 75 Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giám mục về Văn hóa (2002), *Bốn mươi năm sau Vatican II nhìn lại*, tài liệu hội thảo, lưu hành nội bộ: 45.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Albino Luciani (Agostino Nguyễn Văn Dụ chuyển ngữ) (2012), *Một Giám Mục tại Công Đồng Những lá thư viết từ Vaticanô II*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Andrew Brown (2012), *How the second Vatican council responded to the modern world*, <https://www.theguardian.com/commentisfree/andrewbrown/2012/oct/11/second-vatican-council-50-years-catholicism>.
3. Avery Dulles (2002), *Models of the Church*, Doubleday, New York.
4. David Martin (2011), *Vatican II: A Historic turning point – The Dawning of a New Epoch*, Author House.
5. David R. Maines, Michael J. McCallion (2007): *Transforming Catholicism Liturgical Change in the Vatican II Church*, Lexington Books.
6. Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giám mục về Văn hóa (2002), *Bốn mươi năm sau Vatican II nhìn lại*, tài liệu hội thảo, lưu hành nội bộ.
8. Pope Francis: *Liturgical reform is irreversible*, http://en.radiovaticana.va/news/2017/08/24/pope_franis_liturgical_reform_is_irreversible/1332602.
9. Hans Kung (1963) (Cecily Hastings chuyển ngữ), *The Council in action-Theological reflections on the Second Council*, Sheed and Ward published, New York, bản pdf.
10. Nguyễn Huy Lịch (1995), “Công đồng Vatican II tại Việt Nam”, *Công giáo và Dân tộc*, Số 11-12, tháng 11-12.
11. MassiMo Faggioli (2012), *Vatican II The Battle for Meaning*, Paulist Press, New York.

12. GM. Giuse Nguyễn Năng (12/10/2012), *Cải mới trong cách nhìn của Vaticanô II về Giáo hội*, <https://tonggiaophanhanoi.org/tu-lieu/tai-lieu-khac/4330-cai-moi-trong-cach-nhin-cua-vaticano-ii-ve-giao-hoi.html>.
13. John A. Hardon, S.J (Nhóm Chánh Hưng dịch) (2008), *Từ điển Công giáo phổ thông*, Nxb. Phương Đông.
14. John W. O'Malley, S.J: *Vatican II: Did anything happen?*, Theological Studies 67 (2006), bản Pdf.
15. Junno Arocho Esteves (24/8/2017), *Vatican II liturgical reform 'irreversible', pope says* [*Cải cách phụng vụ của Vatican II không thể đảo ngược được, giáo hoàng nói*], <http://www.catholicnews.com/services/englishnews/2017/vatican-ii-liturgical-reform-irreversible-pope-says.cfm>
16. Judy Ball, Joan MCKAMEY (2012), *Vatican II hôm nay kêu gọi người Công giáo nên thánh và phục vụ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
17. J. Derek Holmes và Bernard W. Bickers (2002), *A Short History of the Catholic Church*, Burns & Oates, New York.
18. Susan Benofy (2/2010), *The Day the Mass Changed, How it happened and why – Part I*, <https://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?recnum=9377>.
19. Raniero Cantalamessa (Lm. Phêrô Nguyễn Văn Hương chuyên dịch) (2016): *Để không gì là vô ích – Tái suy tư về Công đồng Vatican II*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
20. Richard McBrien (18/7/2011): *Vatican II themes: The Church as mystery, or sacrament* [*Các chủ đề của Vatican II: Giáo hội như một mầu nhiệm, hay một bí tích*], <https://www.ncronline.org/blogs/essays-theology/vatican-ii-themes-church-mystery-or-sacrament>.
21. René Latourelle (1989), *Vatican II Assessment and Perspectives Twenty-five Years after (1962-1987)*, Volume Three, Paulist Press.
22. ĐGM. G.B. Bùi Tuần: “*Đối với Giáo hội Công giáo, không ai là khách lạ, không ai bị loại trừ, không ai là xa cách*”, Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, Số 11-12, tháng 11-12-1995.
23. Website: http://www.newworldencyclopedia.org/entry/John_XXIII

Abstract

THE SECOND VATICAN COUNCIL - TURNING POINTS IN AWARENESS OF THE CATHOLIC CHURCH

The article analyzes the turning points in awareness of the Second Vatican Council in the term of two dimensions. The first is the renewing awareness of the Church about itself. This content is analyzed in some main aspects such as liturgy and church organization. The second is the renewing awareness of the Church about its relationship with the outside world that is relationship between the Catholic Church and other religions as well as and the modern world.

Keywords: Second Vatican Council, turning point, awareness, Catholicism.